

Đông Hải, ngày 01 tháng 8 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Đông Hải có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung ứng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế và vắc xin với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐÔNG HẢI

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Tăng Thị Hồng Suối, Trưởng khoa Dược-TTB-VTTYT

ĐT: 0917 55 89 77

Email: hongsuoidh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Đông Hải, Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Nhận qua email: tothaudonghai123@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 02 tháng 08 năm 2023 đến trước 17h ngày 11 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 11 tháng 08 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

Gói thầu số 1: Cung ứng hóa chất, sinh phẩm

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG (TC-MATRIX)			
1	Acid Uric		1,000	ml
2	Albumin		400	ml
3	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol		400	ml
4	α - Amylase		400	ml
5	Bilirubin Direct		800	ml
6	Bilirubin Total		800	ml
7	Thuốc thử xét nghiệm HbA1C (Liquidire Reagent)		20	Hộp
8	HbA1C Control (1, 2)		4	ml
9	HbA1C Calibrator (1,2,3,4)		6	ml
10	Cholesterol		5,000	ml
11	Cholinestêrase		200	ml
12	Creatinin		5,000	ml
13	Thuốc thử xét nghiệm CRP		2000	ml
14	CRP Control Low		10	ml
15	CRP Control High		10	ml
16	GGT (Gamma Glutamyltransferase)		5,000	ml
17	Glucose		5,000	ml
18	HDL - Cholesterol		5,000	ml
19	Level 1 (Nội kiểm Sinh hóa Control 1)		200	ml
20	Level 2 (Nội kiểm Sinh hóa Control 2)		200	ml

21	Protein		400	ml
22	SGOT (AST)		5,000	ml
23	SGPT (ALT)		5,000	ml
24	Triglycerid		5,000	ml
25	Urea UV		5,000	ml
II	HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM			
26	Ngoại kiểm sinh hóa		60	ml
27	Ngoại kiểm huyết học		24	ml
28	Ngoại kiểm nước tiểu		72	ml
III	MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI ĐO THÔNG SỐ Na+/ K+/ Cl-/ Ca++ (CBS - 400)			
29	Calibration pack CBS-400/90202	Hộp/1270ml	19,050	ml
IV	MÁY XÉT NGHIỆM TỔNG PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU 10 THÔNG SỐ (CLINITEK STATUS)			
30	Que thử nước tiểu 10 thông số (Multistix 10 SG)		5,000	Que/Test
31	Test chuẩn âm tính Clinitek (Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu)		100	Hộp
32	Test chuẩn dương tính Clinitek (Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu)		100	Hộp
V	MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH BÁN TỰ ĐỘNG TC - MATRIX 94			
33	Ferritin	Hộp/96 test	4	Hộp
34	Cortisol	Hộp/96 test	3	Hộp
35	Toxocara	Hộp/96 test	5	Hộp
VI	MÁY ĐÔNG MÁU BÁN TỰ ĐỘNG (Start Max)			
36	Định lượng Unicalibrator (Calibrator)		8	ml

37	Định lượng APTT		140	ml
38	CaCl ₂ 0.025M		200	ml
39	Coag Control N + P		10	ml
40	Định lượng Fibrinogen		120	ml
41	Định lượng PT		140	ml
VII	MÁY HUYẾT HỌC NIHON KOHDEN (MEK -7300K)			
42	Diluent (Isotonac.3)	Thùng/18 lít	60	Can
43	Cleanac	Thùng/ 5 lít	6	Can
44	Cleanac.3	Can/ 5 lít	8	Can
45	Hemolynac.5	Chai/0,5 lít	20	Can
46	Hemolynac.3N	Chai/0,5 lít	24	Can
47	Nội kiểm (MEK - 3DN)		14	Lọ
48	Nội kiểm (MEK - 5DH)		14	Lọ
VIII	XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH (Bộ nhuộm Papanicolaou) (PAP)			
49	Hóa chất Hematoxyline Solution	Chai/500ml	3	Chai
50	Hóa chất Papanicolaou (OG6)	Chai/500ml	3	Chai
51	Hóa chất Papanicolaou (EA50)	Chai/500ml	3	Chai
IX	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU			
52	Anti A		70	ml
53	Anti AB		70	ml
54	Anti B		70	ml
55	Anti D (Rh)		70	ml
X	XÉT NGHIỆM VI SINH			
56	Khoanh đĩa giấy Oxydase	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
57	Coagulase Test		20	Lọ

58	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh (Cefoperazol)	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
59	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh (Cefuroxim)	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
60	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh (Clarithromycin)	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
61	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Doxycyclin	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
62	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Metronidazol	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
63	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Amoxicillin/Clavulanic acid	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
64	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Cefotaxim	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
65	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Ceftriaxone	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
66	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Ceftazidime	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
67	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Ciprofloxacin	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
68	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Cloramphenicol	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
69	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Gentamicin	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
70	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Levofloxacin	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
71	Khoanh đĩa giấy tẩm kháng sinh Cefixime	Lọ/50 đĩa	2	Lọ
72	Môi trường MHA (Mueller Hinton Agar)		80	Đĩa
73	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn BA (Blood Agar) (Thạch máu BA 90mm)		40	Đĩa
74	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn BHI broth		30	Lọ
75	Môi trường MacConkey Agar		40	Đĩa
76	Môi trường Stuart Amies		40	Tube
XI	XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH VÀ XÉT NGHIỆM TEST NHANH KHÁC			
77	Test Troponin I		350	Test
78	Dengue virus IgM/IgG test nhanh		300	Test

79	Test nhanh Dengue NS1Ag		1,000	Test
80	HBsAb test nhanh		200	Test
81	HBsAg test nhanh		600	Test
82	HCV test nhanh		400	Test
83	HIV Ab Test nhanh		300	Test
84	Test nhanh thử giang mai		50	Test
85	Test đường huyết	Hộp/50 hoặc 100test	40,000	Test
86	Test ma túy (4 trong 1) test nhanh	Kit thử test nhanh 4 chất gây nghiện	400	Test
XII	HÓA CHẤT SIÊU ÂM			
87	Gel siêu âm		75	Lít
XIII	HÓA CHẤT MÁY X - QUANG CONTROL X (Bóng TOSHIBA)			
88	Thuốc rửa film X - quang		20	Bộ
XIV	HÓA CHẤT KHÁC			
89	Acid acetic 3%		2	Lít
90	Cidex OPA		3	Lít
91	Cidezym		2	Chai
92	Cồn tuyệt đối (Ethanol)		30	Lít
93	Cồn 96 độ		15	Lít
94	Fucsin Bazo		0.1	Kg
95	Methylen Blue	Chai 1 lít	3	Chai
96	Phenol	Lọ/500g	2	Lọ
97	Dung dịch lau kính hiển vi		50	ml
98	Nước cất 2 lần cất		90	Lít
99	Formol		2	Lít
100	Acid HCl đậm đặc		2	Chai

101	Dung dịch KOH 10%		2	Chai
102	Viên nén khử khuẩn Cloramine B 250mg		1,000	Viên
103	Viên nén khử khuẩn Cloramine B 200g		80	Kg
104	Giemsa cốt		1	Lít
105	Lugol 3%		1	Lít
106	Presept		1,000	Viên

Gói thầu số 2: Cung ứng vật tư y tế ;

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Airway các loại, các cỡ		400	Cái
2	Băng bó bột thạch cao		500	Cuộn
3	Băng cá nhân		30,000	Miếng
4	Băng keo lụa 1,25cm x 5m		2,000	Cuộn
5	Băng keo lụa 2,5cm x 5m		3,000	Cuộn
6	Băng keo nhiệt		40	Cuộn
7	Băng thun 2 móc		150	Cuộn
8	Băng thun 3 móc		150	Cuộn
9	Băng vải cuộn		1,000	Cuộn
10	Bộ điều kinh Karman		100	Bộ
11	Bơm tiêm 1 ml		20,000	Ống
12	Bơm tiêm 10 ml		40,000	Cái
13	Bơm tiêm 20 ml		4,000	Cái
14	Bơm tiêm 3 ml		20,000	Cái
15	Bơm tiêm 50 ml (bơm thức ăn)		100	Cái

16	Bơm tiêm 5ml		60,000	Ổng
17	Bơm tiêm điện 50 ml		300	Cái
18	Bơm tiêm Insulin		5,000	Cái
19	Bông hút y tế		240	kg
20	Bông không thấm nước		10	Kg
21	Chỉ Catgut chromic các số		1,000	Tép
22	Chỉ Nilon 2.0+kim		500	Tép
23	Chỉ Nilon 3.0+kim		500	Tép
24	Chỉ silk 2.0+kim		600	Tép
25	Chỉ silk 3.0+kim		600	Tép
26	Cốc nhựa đựng đờm		3,000	Cái
27	Cốc thủy tinh nhỏ 50ml		15	Cái
28	Cryo tube 1.8- 2ml		300	Cái
29	Cuvette máy TC -Matrix		7,500	Cái/10 lỗ
30	Đầu col vàng		10,000	Đầu
31	Đầu col xanh		25,000	Đầu
32	Dây 3 chia (Chạc 3 chia)		200	Sợi/Cái
33	Dây cho ăn các loại, các cỡ		300	Sợi
34	Dây garo		200	Cái
35	Dây hút đờm các loại, các cỡ		500	Bộ
36	Dây nối bơm tiêm điện		200	Bộ
37	Dây thở oxy các loại, các cỡ		2,000	Bộ
38	Dây truyền dịch		5,000	Sợi
39	Dây truyền máu các loại, các cỡ		50	Bộ
40	Đè lưỡi gỗ tiết trùng		30,000	Cái

41	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	200	Chai 500ml
42	Film 18 x 24	500	Tấm
43	Film 24 x 30	25,000	Tấm
44	Film 30 x 40	25,000	Tấm
45	Film 35 x 43	25,000	Tấm
46	Gạc cầm máu các loại, các cỡ	100	Miếng
47	Gạc dẫn lưu	50	Cuộn
48	Gạc y tế tiệt trùng 10cm x 10cm	3,000	Miếng
49	Gạc y tế tiệt trùng 5cm x 6,5cm	3,000	Miếng
50	Găng tay dài tiệt trùng	100	Đôi
51	Găng tay khám các cỡ	60,000	Đôi
52	Găng tay vô trùng các loại, các cỡ	10,000	Đôi
53	Giấy điện tim 3 căn (80mm x 20m; 58mm x 25m)	500	Cuộn
54	Giấy in nhiệt 57mm	80	Cuộn
55	Giấy siêu âm 110mm x 20m	60	Cuộn
56	Giấy y tế 40 x 50cm	30	Kg
57	Kẹp rốn	200	Cái
58	Khẩu trang y tế 4 lớp	5,000	Cái
59	Kim châm cứu vô khuẩn số 2	140,000	Cái
60	Kim châm cứu vô khuẩn số 3	60,000	Cái
61	Kim châm cứu vô khuẩn số 4	60,000	Cái
62	Kim châm cứu vô khuẩn số 7	10,000	Cái
63	Kim chích máu (Lancet)	50,000	Cây
64	Kim khâu các loại, các cỡ	100	Cái
65	Kim luôn tĩnh mạch các loại, các cỡ	15,000	Cái

66	Kim nha khoa		4,000	Cái
67	Kim rút thuốc		25,000	Cái
68	Kim quang		3,000	Cái
69	Lam kính nhám		1,000	Cái
70	Lamen		2	Hộp
71	Lọ đựng nước tiểu 50ml		5,000	Lọ
72	Lưỡi dao mổ các số		2,000	Cái
73	Mask gây mê các loại		200	Cái
74	Mask oxy có túi các loại		500	Cái
75	Mask phun khí dung		1,000	Bộ
76	Miếng dán điện cực tim		500	Miếng
77	Nẹp cột sống cổ mềm		100	Cái
78	Nút chặn đuôi kim luồn (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ		1,000	Cái
79	Ống dẫn lưu		100	Cái
80	Ống đặt nội khí quản các loại, các cỡ		200	Bộ
81	Ống ly tâm (Falcon) 50ml		500	Cái
82	Ống hút thai các loại, các cỡ		500	Cái
83	Ống nghiệm Citrate		700	Tube
84	Ống nghiệm PP 5ml không nhãn		30,000	Cái
85	Ống nghiệm serum		3,000	Ống
86	Ống Ependorf		1,000	Cái
87	Pipet 3ml		5	Cái
88	Quả bóp cao su		1000	Hộp
89	Que Spatula		200	Cái
90	Sond tiêu 1 nhánh các số (Nelaton)		300	Cái

91	Sond tiểu 2 nhánh các số (Folay)		800	Cây
92	Tấm bông vô trùng dài 20cm		500	Cái
93	Tạp dề y tế		20,000	Tube
94	Tube kháng đông EDTA (2ml)		20,000	Tube
95	Tube kháng đông HEPARIN		2,000	Ống
96	Túi đo máu sau sinh		300	Cái
97	Túi đựng nước tiểu (có dây)		500	Cái
98	Vicryl 1.0		100	Tép
99	Vicryl 2.0		50	Tép

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Hàng hóa được giao theo từng đơn đặt hàng (dự trù) của Trung tâm:

- **Giao đủ số lượng hàng hóa:**

+ Theo danh mục hàng hóa trúng thầu trong hợp đồng đã ký kết.

+ Theo số lượng từng đợt đặt hàng hàng tháng và các đợt xuất của bên mời thầu.

- **Giao hàng có chất lượng:** Đúng mẫu mã hàng hóa hoặc giấy phép nhập khẩu của hàng hóa dự thầu.

- **Thu hồi hàng hóa:** trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng.

- **Giao hàng đúng thời gian:** Trong vòng 72 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng; 48 giờ kể từ ngày nhận được dự trù bổ sung.

- **Giao hàng đúng địa điểm:** Tại kho thuốc khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế của Trung tâm Y tế huyện Đông Hải. (giao hàng trong giờ hành chính)

- **Đúng giá trúng thầu:** Giá trúng thầu cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và đã bao gồm thuế VAT cùng các chi phí khác.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Dự kiến từ tháng 09/2023

Trong vòng 72 giờ kể từ khi có đơn đặt hàng; 48 giờ kể từ ngày nhận được dự trù bổ sung.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán công nợ bằng chuyển khoản từng đơn đặt hàng trong vòng 90 ngày kể từ khi giao đủ, đúng loại hàng hóa, đúng địa điểm và có hóa đơn hợp lệ.

5. Các thông tin khác (nếu có).

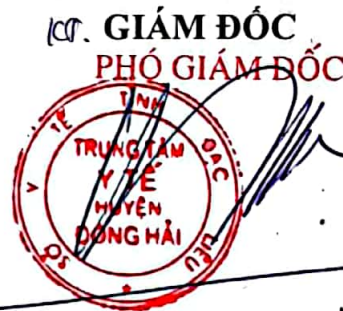
(Kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản)

Trung tâm Y tế huyện Đông Hải kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam gửi báo giá theo thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tổ đấu thầu.



Đặng Văn Khuôn



BẢNG MÔ TẢ

	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
		I. Yêu cầu chung		
1		Chất lượng hàng hóa: Mới 100%	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
2		Bảo hành, bảo trì: Có thời gian bảo trì thiết bị ít nhất 3 tháng một lần đối với máy xét nghiệm sử dụng hóa chất trúng thầu hoặc khi có hư hỏng đột xuất.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
3	Các loại hàng hoá (phần lô)	Đối với nhà thầu tham dự thầu cung cấp các tài liệu chứng minh hàng hóa tham dự thầu đáp ứng theo quy định Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý trang thiết bị y tế và các văn bản có liên quan khác	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
		II. Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn		
1	Calibration pack CBS-400/90202	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy xét nghiệm điện giải đồ thông số Na ⁺ /K ⁺ /Cl ⁻ /Ca ⁺⁺ (CBS -400), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
2	Diluent (Isotonac.3)	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy phân tích huyết học NIHON KOHDEN (MEK -7300K), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
3	Cleanac	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy phân tích huyết học NIHON KOHDEN (MEK -7300K), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
4	Cleanac.3	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy phân tích huyết học NIHON KOHDEN (MEK -7300K), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
5	Hemolynac.5	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy phân tích huyết học NIHON KOHDEN (MEK -7300K), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
6	Hemolynac.3 N	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy phân tích huyết học NIHON KOHDEN (MEK -7300K), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
7	Nội kiểm (MEK - 5DN)	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy phân tích huyết học NIHON KOHDEN (MEK -7300K), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
8	Nội kiểm (MEK - 5DH)	Đúng thành phần hoặc tương đương sử dụng được cho máy phân tích huyết học NIHON KOHDEN (MEK -7300K), kết quả đúng chuẩn.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
9	Các loại vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa: - Nhóm hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm, sinh hoá, vi sinh. + Tương thích với máy có tại Trung tâm Y tế	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu

Đồng Hải

+ Đáp ứng đủ các yêu cầu chủng loại xét nghiệm tại Trung tâm Y tế Đồng Hải.

+ Có phương thức kiểm tra chất lượng xét nghiệm của máy bằng hình thức nội kiểm, ngoại kiểm

+ Đảm bảo thuốc thử cho kết quả tin cậy, ổn định
- **Nhóm hóa chất khác:** Không gây kích ứng da, không ăn mòn dụng cụ, an toàn.

- **Nhóm vật tư y tế:**

+ **Nhóm bông băng, gạc:** Sợi mịn chắc, xơ tốt, thấm hút cao

+ **Nhóm các loại băng dính:** Dính tốt, thông thoáng tốt, kích ứng da thấp, dính sót của keo không có hoặc rất ít, không phản ứng nhạy cảm trên da, đóng gói tiệt trùng từng cái hoặc bao bì đóng gói tốt.

+ **Nhóm các loại bơm kim tiêm:** Piston trơn tốt; kim sắc, bén, không xước, dễ tiêm, không làm tổn thương; bám chắc giữa phần kim và đầu (đốc kim) tốt; không tuột piston khi kéo; đóng gói tiệt trùng từng cái, dễ sử dụng, bao bì đóng gói tốt, dễ bảo quản.

+ **Nhóm các loại dây truyền:** Trơn láng tốt, không gây tổn thương mô, dễ sử dụng; đóng gói tiệt trùng từng cái, bao bì đóng gói tốt, dễ bảo quản; bầu chứa mềm dẻo; cửa air có lọc khuẩn; thể tích giọt đạt chuẩn; phù hợp và tương thích với kim luôn.

+ **Nhóm các loại găng tay, cao su, nhựa:** Dai tốt, chắc không rách khi sử dụng; không gây dị ứng da; sản phẩm dày đạt chuẩn, an toàn.

+ **Nhóm các loại catheter:** Trơn láng, không gây tổn thương mô; Dễ dàng sử dụng; Đóng gói tiệt trùng từng cái; Phù hợp và tương thích với các loại dây truyền.

+ **Nhóm các loại sonde, dẫn lưu....:** Trơn láng, mềm dẻo tốt, không gây tổn thương mô; dễ sử dụng; loại có van thì van phải an toàn.

+ **Nhóm các loại tube, ống đong, ống hút, chai thủy tinh, cốc:** Chịu được nhiệt độ tiệt khuẩn; không bị hư bởi các hoá chất sát khuẩn.

+ **Nhóm các loại vật tư y tế tiêu hao khác:** Dai, chắc không rách khi sử dụng; đóng gói dễ sử dụng, mềm dẻo không gây tổn thương; thể tích, kích thước đạt chuẩn.

+ **Vật tư bằng kim loại sắc, nhọn (dao mổ, kim**

		khâu, kim đường huyết, kim châm cứu...): Có độ sắc, bén; đóng gói tiệt trùng; dễ sử dụng. + Nhóm vật tư y tế tiêu hao giấy (giấy in nhiệt, giấy in siêu âm, giấy in điện tim...): Tương thích với máy của Trung tâm Y tế; bề mặt giấy trơn, láng; in kết quả rõ, có độ bám dính cao.		
--	--	---	--	--